

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC  
\*\*\*\*\*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 19/MHC

V/v: "BCTC năm 2016 đã được kiểm toán  
- Công ty mẹ"

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**  
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần MHC

Mã chứng khoán: MHC

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 10, Tòa nhà VINATEA, Số 92, đường Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 043.5770810

Fax: 043.5770814

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Lan Anh

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Vinatea, 92 Võ Thị Sáu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 04 35770810

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán - Công ty mẹ

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/03/2017 tại đường dẫn [www.marinahanoi.com](http://www.marinahanoi.com).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo tài chính năm 2016  
đã được kiểm toán - Công ty mẹ

**Người đại diện theo pháp luật/  
Người được ủy quyền công bố thông tin**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN**  
*Nguyễn Thị Lan Anh*



**Công ty Cổ phần MHC**

Báo cáo tài chính riêng cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016



**Công ty Cổ phần MHC**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận**

**đăng ký kinh doanh số**

056428

ngày 19 tháng 11 năm 1998

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 19 tháng 11 năm 1998. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 24 lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100793715 ngày 26 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đặng Tiến Thành  
Ông Đỗ Hồng Thái  
Ông Phạm Văn Nguyên  
Ông Nguyễn Công Tuấn  
Ông Dương Phi Hùng  
Ông Lê Bá Thọ  
Ông Đỗ Hoàng Phương

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên (từ ngày 14/4/2016)  
Thành viên (từ ngày 14/4/2016)  
Thành viên (đến ngày 13/4/2016)  
Thành viên (đến ngày 13/4/2016)

**Ban Giám đốc**

Ông Đặng Tiến Thành  
Ông Nguyễn Công Tuấn

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 4/1/2016)

**Ban Kiểm soát**

Ông Đặng Xuân Quang  
Bà Nguyễn Thúy Nga  
Bà Lê Thị Huyền Trang

Trưởng Ban Kiểm soát  
Thành viên  
Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 10, tòa nhà VINATEA, số 92, đường Võ Thị Sáu  
Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng  
Thành phố Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

010  
C  
34CH  
T  
T  
T

**Công ty Cổ phần MHC**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần MHC (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Đặng Tiến Thành  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2017

==  
/ /  
ÔN  
NHI  
P  
/ /  
/ /



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần MHC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần MHC (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty Cổ phần MHC tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-173/3



Trần Đình Vĩnh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0339-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày **27 -03- 2017**

Phạm Huy Cường

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2675-2014-007-1

**Công ty Cổ phần MHC****Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>315.377.123.801</b>	<b>334.924.609.011</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4.313.460.344</b>	<b>725.680.520</b>
Tiền	111		2.313.460.344	725.680.520
Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>291.733.599.488</b>	<b>149.154.750.102</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	324.769.535.927	150.333.762.082
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	(33.035.936.439)	(1.179.011.980)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>14.402.015.792</b>	<b>183.164.052.454</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	6.411.739.081	8.239.026.909
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		199.649.909	198.300.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	14.775.972.389	183.340.483.166
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(6.985.345.587)	(8.613.757.621)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>275.000</b>	<b>899.000</b>
Hàng tồn kho	141		275.000	899.000
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.927.773.177</b>	<b>1.879.226.935</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		40.844.780	67.690.738
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	14(a)	1.205.408.710	1.237.464.044
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14(a)	3.681.519.687	574.072.153

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần MHC**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND (Phân loại lại)</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>194.713.567.376</b>	<b>86.090.238.355</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	10	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.524.853.713</b>	<b>1.581.848.608</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.778.359.913	835.354.808
<i>Nguyên giá</i>	222		2.102.985.853	1.030.050.364
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(324.625.940)	(194.695.556)
Tài sản cố định vô hình	227		746.493.800	746.493.800
<i>Nguyên giá</i>	228		746.493.800	746.493.800
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>28.868.941.263</b>	<b>30.417.659.547</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		38.530.325.770	38.530.325.770
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(9.661.384.507)	(8.112.666.223)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6(b)</b>	<b>153.317.272.400</b>	<b>44.088.230.200</b>
Đầu tư vào công ty con	251		125.002.000.000	15.000.000.000
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		4.437.000.000	23.613.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		23.878.272.400	5.475.230.200
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.500.000</b>	<b>2.500.000</b>
Tài sản dài hạn khác	268		2.500.000	2.500.000
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>510.090.691.177</b>	<b>421.014.847.366</b>



**Công ty Cổ phần MHC**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>28.145.472.333</b>	<b>20.660.355.858</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>28.095.890.333</b>	<b>20.595.773.858</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	3.911.203.208	3.887.488.670
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		135.267.000	135.267.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(b)	4.865.802	4.184.698.116
Phải trả người lao động	314		873.797.076	1.115.814.866
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	2.248.677.360	1.504.605.243
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		10.909.089	10.909.090
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	2.386.317.638	2.616.568.915
Vay ngắn hạn	320	17	18.197.231.202	7.140.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		327.621.958	421.958
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>49.582.000</b>	<b>64.582.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337		49.582.000	64.582.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>481.945.218.844</b>	<b>400.354.491.508</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>481.945.218.844</b>	<b>400.354.491.508</b>
Vốn cổ phần	411	19	327.352.100.000	271.109.080.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		327.352.100.000	271.109.080.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	18	28.614.580.000	28.679.580.000
Cổ phiếu quỹ	415	19	(1.200.000)	(1.200.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	8.712.225.710	8.712.225.710
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	117.267.513.134	91.854.805.798
- Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế) đến cuối năm trước	421a		20.350.848.798	(33.060.735.747)
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		96.916.664.336	124.915.541.545
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>510.090.691.177</b>	<b>421.014.847.366</b>

Ngày 25 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Lê Thị Lan Hương  
Kế toán

Người duyệt:




Nguyễn Thị Lan Anh  
Kế toán trưởng

Dặng Tiến Thành  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần MHC**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 02 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>34.988.194.043</b>	<b>37.288.028.708</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>24</b>	<b>29.391.945.194</b>	<b>35.118.753.026</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>5.596.248.849</b>	<b>2.169.275.682</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	164.388.649.556	140.443.619.032
Chi phí tài chính	22	26	46.348.446.806	13.077.783.335
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.506.563.447</i>	<i>1.904.821.463</i>
Chi phí bán hàng	25		3.830.909	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	5.795.611.987	3.649.800.476
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>117.837.008.703</b>	<b>125.885.310.903</b>
Thu nhập khác	31		629.363.458	752.081.100
Chi phí khác	32		27.167.814	(3.474.347.253)
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>602.195.644</b>	<b>4.226.428.353</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>118.439.204.347</b>	<b>130.111.739.256</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>29</b>	<b>21.522.540.011</b>	<b>5.196.197.711</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>96.916.664.336</b>	<b>124.915.541.545</b>

Ngày 25 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Lê Thị Lan Hương  
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Lan Anh  
Kế toán trưởng



Đặng Tiến Thành  
Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ phần MHC****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>118.439.204.347</b>	<b>130.111.739.256</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	1.678.648.668	1.670.965.332
Các khoản dự phòng	03	31.521.841.639	544.484.276
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	45.913.390	(60.256.240)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(153.419.307.884)	(130.695.072.115)
Chi phí lãi vay	06	2.506.563.447	1.904.821.463
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>772.863.607</b>	<b>3.476.681.972</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(3.156.231.585)	45.104.652.871
Biến động hàng tồn kho	10	624.000	2.499.500
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	1.442.947.056	(22.285.594.662)
Biến động chi phí trả trước	12	26.845.958	640.965.710
		<b>(912.950.964)</b>	<b>26.939.205.391</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.476.226.447)	(3.789.512.274)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(27.852.769.305)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(22.800.000)	(16.800.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(30.264.746.716)</b>	<b>23.132.893.117</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.072.935.489)	-
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(315.443.888.333)	(60.000.000.000)
Tiền thu hồi bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	130.001.430.000	60.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(473.019.493.269)	(376.051.585.322)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	685.319.321.559	208.509.344.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	12.075.080.749	24.418.359.066
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>37.859.515.217</b>	<b>(143.123.882.256)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần MHC****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2016 VND	2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	13.490.390.000	140.231.610.000
Tiền thu từ đi vay	33	104.305.395.033	40.830.388.889
Tiền trả nợ gốc vay	34	(93.248.163.831)	(60.430.388.889)
Tiền trả cổ tức	36	(28.554.658.950)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4.007.037.748)</b>	<b>120.631.610.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>3.587.730.753</b>	<b>640.620.861</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>725.680.520</b>	<b>84.870.429</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>49.071</b>	<b>189.230</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>4.313.460.344</b>	<b>725.680.520</b>

Ngày 25 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Lê Thị Lan Hương  
Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Thị Lan Anh  
Kế toán trưởngĐặng Tiến Thành  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần MHC (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### **(b) Hoạt động đăng ký**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký doanh nghiệp, các hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa và container;
- Khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Buôn bán, sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa, đại lý hàng hải;
- Lai dắt tàu biển;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy; và
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động tạo doanh thu chính của Công ty trong năm bao gồm cung cấp dịch vụ vận tải, cho thuê văn phòng, hoạt động đầu tư và hợp đồng hợp tác kinh doanh.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 2 công ty con và 2 công ty liên doanh, liên kết (1/1/2016: 1 công ty con và 3 công ty liên doanh, liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 6(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 18 nhân viên (1/1/2016: 21 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

### (a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Công ty tham gia BCC theo thỏa thuận chia lợi nhuận phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của BCC. Theo đó, các bên tham gia trong BCC phải cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế. Bên kế toán và quyết toán thuế này phải áp dụng phương pháp kế toán BCC chia doanh thu để ghi nhận doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong năm, đồng thời cung cấp bằng chứng về việc quyết toán thuế cho các bên khác. Các bên khác (bên không kế toán và quyết toán thuế) phải ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần mình được chia từ BCC, báo cáo cơ quan thuế về việc khoản doanh thu, chi phí này đã được thực hiện nghĩa vụ thuế làm căn cứ điều chỉnh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ dụng cụ văn phòng      | 3 năm      |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 10 năm |

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 13, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.



## Công ty Cổ phần MHC

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (i) Bất động sản đầu tư

##### *Bất động sản đầu tư cho thuê*

###### *Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

###### *Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 25 năm

#### (j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

#### (k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### (l) Vốn cổ phần

##### (i) *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) **Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) **Doanh thu và thu nhập khác**

(i) **Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(ii) **Doanh thu từ bán chứng khoán**

Doanh thu từ bán chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) **Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa lãi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận hoạt động kinh doanh.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động đầu tư: Các hoạt động về đầu tư chứng khoán, góp vốn đầu tư và gửi tiền.
- Hoạt động vận tải: Các hoạt động vận chuyển hàng hóa.
- Hoạt động khác: Các hoạt động cho thuê văn phòng.

**Công ty Cổ phần MHC**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Hoạt động đầu tư		Hoạt động vận tải		Hoạt động khác		Tổng	
	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND
Doanh thu của bộ phận	164.388.649.556	140.443.619.032	29.990.306.841	32.752.024.287	4.997.887.202	4.536.004.421	199.376.843.599	177.731.647.740
Chi phí của bộ phận	(46.348.446.806)	(13.077.783.335)	(24.783.329.987)	(28.171.060.578)	(4.608.615.207)	(6.947.692.448)	(75.740.392.000)	(48.196.536.361)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	118.040.202.750	127.365.835.697	5.206.976.854	4.580.963.709	389.271.995	(2.411.688.027)	123.636.451.599	129.535.111.379
Chi phí không phân bổ							(5.799.442.896)	(3.649.800.476)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh							117.837.008.703	125.885.310.903
Thu nhập khác							629.363.458	752.081.100
Chi phí khác							(27.167.814)	3.474.347.253
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							(21.522.540.011)	(5.196.197.711)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							96.916.664.336	124.915.541.545
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
Tài sản không phân bổ	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	454.525.955.221	193.242.980.302	11.751.468.241	10.835.354.808	28.868.941.263	30.417.659.547	495.146.364.725	234.495.994.657
Tài sản không phân bổ							14.944.326.452	186.518.852.709
Tổng tài sản							510.090.691.177	421.014.847.366
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
Nợ phải trả bộ phận	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ phải trả bộ phận	1.400.287.371	885.227.780	-	-	26.745.184.962	19.775.128.078	28.145.472.333	20.660.355.858
Tổng nợ phải trả							28.145.472.333	20.660.355.858

(b) **Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Công ty hoạt động ở một khu vực địa lý là Việt Nam.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	153.768.842	36.412.002
Tiền gửi ngân hàng	2.159.691.502	689.268.518
Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	-
	<hr/>	
	4.313.460.344	725.680.520
	<hr/> <hr/>	

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 3 tháng với lãi suất 5,2%/năm.

**Công ty Cổ phần MHC**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	Mã chứng khoán	31/12/2016		1/1/2016		Dự phòng giảm giá VND	Dự phòng giảm giá VND
		Số lượng	Giá gốc VND	Số lượng	Giá gốc VND		
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>							
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	MAC	1.650.000	15.001.100.000	1.500.000	15.001.100.000	-	-
Công ty CP cao su sao vàng	SRC	194.288	5.109.517.410	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	DP3	-	-	450.000	4.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Transimex	TMS	2	58.355	2	58.355	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	HAH	-	-	3.239.060	35.802.873.364	-	-
Công ty Cổ phần Hải Minh	HMH	-	-	99	1.405.583	-	-
Tổng Công ty Bía - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB	5.000	350.000.000	5.000	350.000.000	-	-
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>							
Công ty Cổ phần DAP – VINACHEM (*)	DDV	6.702.510	68.866.401.829	4.969.710	59.225.224.780	1.179.011.980	1.179.011.980
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia (*)	SLC	1.500.000	30.000.000.000	-	-	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	GEX	-	-	2.000.000	35.453.100.000	-	-
<b>Chứng quyền</b>							
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (**)	GEX	400	20.000.000.000	-	-	-	-
<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>							
Công ty TNHH Thiết Bị và Xây Lắp Huy Hoàng (***)		185	185.442.458.333	-	-	-	-
			324.769.535.927	33.035.936.439	150.333.762.082	1.179.011.980	1.179.011.980

**Công ty Cổ phần MHC**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ được lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán IB. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, một số chứng khoán kinh doanh (cổ phiếu niêm yết) của Công ty với giá gốc tổng cộng là 20.461 triệu VND đã được Công ty thế chấp để thực hiện vay ký quỹ (Thuyết minh 17) (1/1/2016: Không có).

(\*) Công ty trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh theo giá bình quân tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom).

(\*\*) Chứng quyền do Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam phát hành. Mỗi chứng quyền được chuyển đổi thành 50.000 cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam không muộn hơn ngày 30 tháng 6 năm 2019.

(\*\*\*) Trái phiếu phát hành ngày 29 tháng 6 năm 2016 có kỳ hạn 5 năm với lãi suất 10,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định dựa trên lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trung bình của 4 ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở giao dịch 1) và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch) tại mỗi ngày xác định lãi suất cộng biên độ 3,5%/năm. Mỗi trái phiếu được đảm bảo bởi 62.500 cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thiết Bị và Xây Lấp Huy Hoàng.

**Công ty Cổ phần MHC**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và góp vốn vào đơn vị khác**

	Hoạt động kinh doanh chính	Số lượng cổ phiếu	31/12/2016		1/1/2016	
			% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND
<b>Công ty con</b>						
• Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	Dịch vụ vận tải		100%	15.000.000.000	100%	15.000.000.000
• Công Ty TNHH Đầu Tư Marina	Đầu tư tài chính		100%	110.002.000.000	-	-
				125.002.000.000		15.000.000.000
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>						
• Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam (i)	Dịch vụ vận tải		51%	1.734.000.000	51%	1.734.000.000
• Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	270.300	45,05%	2.703.000.000	45,05%	2.703.000.000
• Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực	Dịch vụ vận tải		-	-	24%	19.176.000.000
				4.437.000.000		23.613.000.000
<b>Góp vốn vào đơn vị khác</b>						
• Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn	Khai thác lâm sản	1.930.500	16,5%	23.878.272.400	5,66%	5.475.230.200
				153.317.272.400		44.088.230.200

(i) Công ty sở hữu 51% vốn góp của Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam, tuy nhiên điều lệ của công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của công ty. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” thay vì “Đầu tư vào công ty con”. Ngày 23 tháng 6 năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt kế hoạch thanh lý toàn bộ khoản đầu tư này. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng này, Công ty chưa hoàn thành việc thanh lý khoản đầu tư.





**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	5.516.183.019	5.516.183.019
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vận tải Dương Đông	-	1.938.228.647
Các khách hàng khác	895.556.062	784.615.243
	6.411.739.081	8.239.026.909

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.769.643.838	3.555.106.308
Đặt cọc mua chứng khoán thông qua công ty quản lý quỹ	-	80.000.000.000
Đặt cọc mua cổ phần của các công ty chưa niêm yết	-	50.250.000.000
Đặt cọc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia	-	30.000.000.000
Đặt cọc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn	-	18.403.042.200
Lãi trái phiếu, tiền gửi phải thu	9.475.083.333	-
Phải thu khác	1.531.245.218	1.132.334.658
	14.775.972.389	183.340.483.166

**Công ty Cổ phần MHC**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Thời gian quá hạn	31/12/2016		1/1/2016	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Nợ quá hạn</b>					
▪ Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	trên 3 năm	5.516.183.019	5.516.183.019	5.516.183.019	5.516.183.019
▪ Công ty Cổ phần Du lịch và Vận tải Dương Đông	trên 3 năm	-	-	1.938.228.647	1.846.428.831
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Sông Đào	trên 3 năm	328.000.000	328.000.000	328.000.000	328.000.000
▪ Công ty Giao thông Vận tải Quyết Tiến	trên 3 năm	238.100.000	238.100.000	238.100.000	238.100.000
▪ Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	trên 3 năm	110.000.000	110.000.000	110.000.000	110.000.000
▪ Các khoản nợ xấu và nợ khó đòi khác	trên 3 năm	793.062.568	793.062.568	575.045.771	575.045.771
		<b>6.985.345.587</b>	<b>6.985.345.587</b>	<b>8.705.557.437</b>	<b>8.613.757.621</b>

**10. Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Góp vốn tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh	10.000.000.000	10.000.000.000

Từ năm 2014, Công ty tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác tàu chở container với 5 đối tác, bao gồm: Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An, Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức, Công ty Cổ phần Transimex - Sài Gòn, Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An và Công ty Cổ phần Hàng Hải MACS. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh này, các bên cam kết cùng hợp tác tổ chức kinh doanh, cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro, nếu có, từ hoạt động kinh doanh tàu chở container nói trên tương ứng với tỷ lệ vốn góp và các quy định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn tối thiểu của hợp đồng hợp tác kinh doanh là 5 năm và có thể được gia hạn thêm nếu các bên có thỏa thuận bằng văn bản.

Kết quả từ hợp đồng hợp tác kinh doanh được theo dõi bởi Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An. Phần Công ty được nhận theo Báo cáo kết quả hoạt động hợp tác kinh doanh đầu tư và khai thác đội tàu container được lập bởi Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An và được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác theo báo cáo kiểm toán đề ngày 28 tháng 2 năm 2017 như sau:

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Doanh thu (Thuyết minh 23)	29.532.336.538	32.752.024.287
Giá vốn (Thuyết minh 24)	(24.388.650.987)	(28.171.060.578)
Doanh thu hoạt động tài chính	101.935.892	-
Chi phí tài chính	(515.167.260)	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(106.051.980)	-
Thu nhập khác	118.563.458	-
Chi phí khác	(25.763.273)	-
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>4.717.202.388</b>	<b>4.580.963.709</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(947.558.550)	(1.025.857.401)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>3.769.643.838</b>	<b>3.555.106.308</b>

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Dụng cụ văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	52.074.000	977.976.364	1.030.050.364
Tăng trong năm	34.575.008	1.038.360.481	1.072.935.489
Số dư cuối năm	86.649.008	2.016.336.845	2.102.985.853
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	52.074.000	142.621.556	194.695.556
Khấu hao trong năm	7.683.336	122.247.048	129.930.384
Số dư cuối năm	59.757.336	264.868.604	324.625.940
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	-	835.354.808	835.354.808
Số dư cuối năm	26.891.672	1.751.468.241	1.778.359.913

**12. Bất động sản đầu tư**

	<b>2016</b> Nhà cửa VND	<b>2015</b> Nhà cửa VND (Phân loại lại)
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm và cuối năm	38.530.325.770	38.530.325.770
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	8.112.666.223	6.563.947.939
Khấu hao trong năm	1.548.718.284	1.548.718.284
Số dư cuối năm	9.661.384.507	8.112.666.223
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	30.417.659.547	31.966.377.831
Số dư cuối năm	28.868.941.263	30.417.659.547

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	<b>31/12/2016</b> VND	<b>1/1/2016</b> VND
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	988.817.357	988.817.357
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long	405.150.000	405.150.000
ISS Machinery Services	436.072.267	410.127.160
Các nhà cung cấp khác	2.081.163.584	2.083.394.153
	3.911.203.208	3.887.488.670

**Công ty Cổ phần MHC****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	988.817.357	988.817.357	988.817.357	988.817.357
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long	405.150.000	405.150.000	405.150.000	405.150.000
ISS Machinery Services	436.072.267	436.072.267	410.127.160	410.127.160
Hãng Đăng kiểm Germanischer Lloyd	371.805.990	371.805.990	360.938.362	360.938.362
Howe Robinson Co. Ltd	298.479.803	298.479.803	299.882.998	299.882.998
Trường Cao Đẳng Hàng Hải	247.584.025	247.584.025	247.584.025	247.584.025
Các nhà cung cấp khác	938.235.173	938.235.173	1.133.118.768	1.133.118.768
	<b>3.686.144.615</b>	<b>3.686.144.615</b>	<b>3.845.618.670</b>	<b>3.845.618.670</b>

Các khoản nợ này đã quá hạn trên 3 năm (1/1/2016: quá hạn trên 3 năm).

**14. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước****(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.205.408.710	1.237.464.044
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	3.681.519.687	574.072.153
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa</i>	<i>3.107.447.534</i>	<i>-</i>
<i>Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</i>	<i>574.072.153</i>	<i>574.072.153</i>

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Thuế thu nhập cá nhân	4.865.802	14.357.806
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.170.340.310
	<b>4.865.802</b>	<b>4.184.698.116</b>

**Công ty Cổ phần MHC****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	1/1/2016 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số đã bù trừ VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	(1.237.464.044)	32.055.334	-	-	(1.205.408.710)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.170.340.310	21.522.540.011	(27.852.769.305)	(947.558.550)	(3.107.447.534)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(574.072.153)	-	-	-	(574.072.153)
Thuế thu nhập cá nhân	14.357.806	1.190.242.867	(1.199.734.871)	-	4.865.802
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
	2.373.161.919	22.747.838.212	(29.055.504.176)	(947.558.550)	(4.882.062.595)

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí lãi vay	1.400.287.371	885.227.780
Chi phí bảo hiểm tàu	475.655.263	-
Các khoản trích trước khác	372.734.726	619.377.463
	2.248.677.360	1.504.605.243

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải trả khác cho các bên liên quan	1.503.000.000	1.837.361.907
<i>Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất Động Sản Hà Nội – công ty liên kết (*)</i>	1.503.000.000	1.503.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng</i>	-	334.361.907
Phải trả khác (*)	883.317.638	779.207.008
	2.386.317.638	2.616.568.915

Phải trả các bên liên quan không được đảm bảo và không chịu lãi.

(\*) Các khoản nợ này đã quá hạn trên 3 năm (1/1/2016: quá hạn trên 3 năm).

**Công ty Cổ phần MHC****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Vay ngắn hạn**

	1/1/2016 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2016 VND
Vay ngắn hạn	7.140.000.000	104.305.395.033	(93.248.163.831)	18.197.231.202

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay hiện còn số dư như sau:

	Kỳ hạn	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	1 năm	VND	5%	7.140.000.000	7.140.000.000
Vay cá nhân	1 năm	VND	8%	2.000.000.000	-
Vay ký quỹ giao dịch chứng khoán (i)	3 tháng	VND	13,5%	9.057.231.202	-
				18.197.231.202	7.140.000.000

- (i) Khoản vay được đảm bảo bằng một số chứng khoán do Công ty nắm giữ với giá gốc là 20.461 triệu VND (Thuyết minh 6(a)).



**Công ty Cổ phần MHC**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗi lũy kế) VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2015</b>	135.555.140.000	24.001.910.000	(1.200.000)	8.712.225.710	(33.060.735.747)	135.207.339.963
Phát hành cổ phiếu	135.553.940.000	4.677.670.000	-	-	-	140.231.610.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	124.915.541.545	124.915.541.545
<b>Số dư tại ngày 1/1/2016</b>	271.109.080.000	28.679.580.000	(1.200.000)	8.712.225.710	91.854.805.798	400.354.491.508
Phát hành cổ phiếu	13.555.390.000	(65.000.000)	-	-	-	13.490.390.000
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(28.466.327.000)	(28.466.327.000)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	42.687.630.000	-	-	-	(42.687.630.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(350.000.000)	(350.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	96.916.664.336	96.916.664.336
<b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>	327.352.100.000	28.614.580.000	(1.200.000)	8.712.225.710	117.267.513.134	481.945.218.844

**Công ty Cổ phần MHC****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	32.735.210	327.352.100.000	27.110.908	271.109.080.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	120	1.200.000	120	1.200.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	32.735.090	327.350.900.000	27.110.788	271.107.880.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2016		2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	27.110.908	271.109.080.000	13.555.514	135.555.140.000
Phát hành cổ phiếu thu tiền	1.355.539	13.555.390.000	13.555.394	135.553.940.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	4.268.763	42.687.630.000	-	-
Số dư cuối năm	32.735.210	327.352.100.000	27.110.908	271.109.080.000

**20. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**21. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 23 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền với giá trị là 28.466 triệu VND (10.000 VND trên một cổ phiếu) và 42.688 triệu VND cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 100 : 15).

## 22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

### Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2016 và 1/1/2016 VND
Bransford International Ltd	Nợ đọng kéo dài	2013	1.510.085.635
Công ty TNHH Đèn hình Orion Hanel	Doanh nghiệp phá sản	2012	1.007.000.000
Far Shipping Lines Pte Ltd	Nợ đọng kéo dài	2013	832.800.000
Tổng Công ty Xây dựng Số 1	Nợ đọng kéo dài	2012	353.441.000
Công ty Obayashi Việt Nam	Nợ đọng kéo dài	2013	671.955.900
Các khoản nợ khó đòi khác	Nợ đọng kéo dài	2012	1.406.380.106
			5.781.662.641

## 23. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu dịch vụ vận tải	457.970.303	-
Doanh thu cho thuê văn phòng, kho bãi, cầu bến	4.997.887.202	4.536.004.421
Doanh thu được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (Thuyết minh 10)	29.532.336.538	32.752.024.287
		34.988.194.043
		37.288.028.708

## 24. Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND
Giá vốn dịch vụ vận tải	394.679.000	-
Giá vốn cho thuê văn phòng, kho bãi, cầu bến	4.608.615.207	6.947.692.448
Giá vốn được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (Thuyết minh 10)	24.388.650.987	28.171.060.578
		29.391.945.194
		35.118.753.026

**Công ty Cổ phần MHC****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Thu nhập lãi	10.702.808.582	3.615.161.122
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	142.786.913.283	115.954.731.483
Cổ tức được chia (Thuyết minh 29)	10.847.355.500	20.813.328.500
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	51.572.191	60.397.927
	<hr/>	<hr/>
	164.388.649.556	140.443.619.032

**26. Chi phí tài chính**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Chi phí lãi vay	2.506.563.447	1.904.821.463
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	10.917.769.481	9.688.148.990
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	31.856.924.459	1.179.011.980
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	97.534.652	1.096.376
Chi phí tài chính khác	969.654.767	304.704.526
	<hr/>	<hr/>
	46.348.446.806	13.077.783.335

**27. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Chi phí nhân viên	3.164.964.430	2.332.115.939
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(335.082.820)	(634.527.704)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.672.820.843	1.023.083.474
Chi phí khác	1.292.909.534	929.128.767
	<hr/>	<hr/>
	5.795.611.987	3.649.800.476

**28. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân công và nhân viên	4.280.877.150	3.333.462.627
Chi phí khấu hao	1.678.648.668	1.670.965.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.297.971.604	5.067.579.321
Chi phí bằng tiền khác	894.426.259	525.485.644
Chi phí phân bổ từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (Thuyết minh 10)	25.035.633.500	28.171.060.578

**29. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	2016 VND	2015 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	20.574.981.461	4.170.340.310
Thuế thu nhập doanh nghiệp được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	947.558.550	1.025.857.401
	21.522.540.011	5.196.197.711

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	118.439.204.347	130.111.739.256
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	23.687.840.869	28.624.582.636
Chi phí thuế không được khấu trừ	4.170.242	46.086.744
Ảnh hưởng của thu nhập không chịu thuế (*)	(2.169.471.100)	(4.578.932.270)
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(18.895.539.399)
	21.522.540.011	5.196.197.711

(\*) Cổ tức được chia trong năm 2016 với số tiền là 10.847.355.500 VND (2015: 20.813.328.500 VND)  
(Thuyết minh 25).

**Công ty Cổ phần MHC****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 20% cho năm 2016 (2015: 22%).

**30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

	Số dư tại ngày	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Công ty con</b>		
<i>Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng</i>		
Vốn góp	15.000.000.000	15.000.000.000
Lãi vay phải trả	1.248.177.782	885.227.780
Phải thu thu dịch vụ cho thuê văn phòng	148.511.793	-
Vay ngắn hạn	7.140.000.000	7.140.000.000
<i>Công Ty TNHH Đầu Tư Marina</i>		
Vốn góp	110.002.000.000	-
Phải thu khác	28.816.000	-
<b>Công ty liên kết</b>		
<i>Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất Động Sản Hà Nội</i>		
Phải trả khác	1.503.000.000	1.503.000.000
<hr/>		
	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty con</b>		
<i>Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng</i>		
Nhận tiền gốc vay	-	600.000.000
Trả tiền gốc vay	-	3.400.000.000
Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	433.087.791	419.961.893
Chi phí lãi vay	362.950.002	885.227.780
<i>Công Ty TNHH Đầu Tư Marina</i>		
Góp vốn	110.002.000.000	-
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	1.114.800.000	426.850.000
Nhận tiền gốc vay - Ông Hoàng Duy Anh	-	100.000.000
Trả tiền gốc vay - Ông Hoàng Duy Anh	-	2.900.000.000
Chi phí lãi vay - Ông Hoàng Duy Anh	-	56.600.000

**Công ty Cổ phần MHC****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>		
Thù lao	132.000.000	120.313.978
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	503.466.667	534.154.839
Nhận và trả tiền gốc vay - Ông Chu Nguyên Bình	-	5.000.000.000
Chi phí lãi vay - Ông Chu Nguyên Bình	-	35.000.000

**31. Các khoản tiềm ẩn**

Như trình bày tại Thuyết minh 13(b) và Thuyết minh 16, Công ty có các khoản nợ phải trả đã quá hạn trên 3 năm. Điều này có thể làm phát sinh lãi phạt phải trả, các nghĩa vụ pháp lý và nghĩa vụ thuế của Công ty. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, Công ty chưa xác định được ảnh hưởng của các nghĩa vụ này.

Luật thuế và việc áp dụng luật thuế tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và có thể thay đổi theo thời gian. Số liệu quyết toán thuế có thể tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau. Các cơ quan này có thẩm quyền phạt và tính lãi chậm nộp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản thuế phải nộp dựa trên cách diễn giải về luật thuế Việt Nam. Tuy nhiên, các cơ quan hữu quan có thể có những cách diễn giải luật khác nhau và điều này có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến số thuế phải nộp của Công ty.

**32. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

Như mô tả tại Thuyết minh 6, Công ty trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh theo giá bình quân tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom). Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, tổng giá trị thị trường của các khoản đầu tư vào cổ phiếu UpCom của Công ty là 60.070 triệu VND thể hiện khoản giảm giá 8.020 triệu VND so với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, chi tiết như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ tại ngày 31/12/2016</b>	<b>Giá trị thị trường tại ngày 25/3/2017</b>	<b>Mức suy giảm giá trị</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần DAP – VINACHEM (DDV)	47.989.971.600	44.169.540.900	3.820.430.700
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia (SLC)	20.100.000.000	15.900.000.000	4.200.000.000
	<b>68.089.971.600</b>	<b>60.069.540.900</b>	<b>8.020.430.700</b>

### 33. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của năm hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

#### Bảng cân đối kế toán

	Mã số	1/1/2016 (phân loại lại) VND	1/1/2016 (theo báo cáo trước đây) VND
Tài sản cố định hữu hình	221	835.354.808	31.253.014.355
<i>Nguyên giá</i>	222	1.030.050.364	39.560.376.134
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(194.695.556)	(8.307.361.779)
Bất động sản đầu tư	230	30.417.659.547	-
<i>Nguyên giá</i>	231	38.530.325.770	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232	(8.112.666.223)	-

Ngày 25 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Lê Thị Lan Hương  
*Kế toán*

Người duyệt:



Nguyễn Thị Lan Anh  
*Kế toán trưởng*



Đặng Tiến Thành  
*Tổng Giám đốc*